

Bản án số: 650/2017/HSPT

Ngày 12 -12 - 2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Ba

Ông Trần Văn Mười

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2017/HSPT ngày 16/3/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn H, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**Bị cáo kháng cáo:**

**Nguyễn Văn H**; Giới tính: Nam, sinh năm 1962 tại tỉnh Tây Ninh; Trú tại: Khu phố N1, Phường N2, Thành phố N3 ; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thi hành án Dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị M (đã chết); Hoàn cảnh gia đình có vợ: Phạm Thị Mỹ L và 02 con lớn nhất sinh năm 1988 con nhỏ nhất sinh năm 1995 ; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo tại ngoại trong quá trình tố tụng

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:**

1. Bà **Lê Thị H1**, sinh năm: 1972; Trú tại: Ấp Thuận An, xã T2, huyện C, Tỉnh Tây Ninh.

2. Bà **Trương Thị Thúy O**, sinh năm: 1976; Trú tại: Ấp Thuận An, xã T2, huyện C, Tỉnh Tây Ninh (Có mặt)

3. Bà **Hà Thị N**, sinh năm: 1953; Trú tại: Số 4 tổ 15, Ấp 3, Xã Bến Củi, huyện C, Tỉnh Tây Ninh (Có mặt)

4. Bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm: 1963; Trú tại: Ấp Ninh An, xã Bầu Năng, huyện C, Tỉnh Tây Ninh.

5. Bà **Dương Thị N4**, sinh năm: 1960

6. Ông **Lê Văn D**, sinh năm 1954

Cùng trú tại: Số 805 Ấp T1, xã T2, huyện C, Tỉnh Tây Ninh.

7. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Minh (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh và bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 04/2009/QĐST – DS ngày 07/01/2010; Bản án số 47/ST-DS ngày 05/02/2010; Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 03/2011/ST-DS ngày 06/11/2011 và Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 47/2011/QĐST-DS ngày 16/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ông Lê Văn Đ và bà Dương Thị Kim N4, ngụ ấp Thuận An, xã T2, huyện C, tỉnh Tây Ninh có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị H1 ngụ ấp Thuận An, xã T2, huyện C 400.000.000 đồng; Bà Trương Thị Thúy O ngụ ấp Thuận An, xã T2, huyện C 1.007.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị R ngụ ấp N5, xã Bàu Năng, huyện C 225.500.000 đồng; Bà Hà Thị N ngụ ấp 3, xã Bến Củi, huyện C 231.280.000 đồng.

Sau khi nhận được đơn yêu cầu thi hành án các quyết định, bản án trên, chi cục Thi hành án Dân sự (sau đây viết tắt là THADS) huyện C đã ra các Quyết định thi hành án số 241/QĐ-THA ngày 19/01/2010; số 278/QĐ-THA ngày 01/3/2010; số 211/QĐ-THA ngày 19/01/2011 và Quyết định thi hành án số 272/QĐ-THA ngày 28/3/2011, buộc ông Đ và bà N4 phải thi hành án số tiền trả cho 04 người bà Lê Thị H1, bà Trương Thị Thúy O, bà Nguyễn Thị R và bà Hà Thị N.

Để thi hành các vụ việc trên, Chấp hành viên của Chi cục THADS huyện C, tỉnh Tây Ninh đã ra Quyết định kê biên tài sản số 62/QĐ-THA ngày 10/5/2011 và Quyết định kê biên tài sản số 71/QĐ-THA ngày 19/5/2011, để kê biên 14 thửa đất của ông Đ và bà N4 gồm:

- Thửa đất số 3247, 3248, 3249, 3250 tờ bản đồ số 1, diện tích 5.590 m<sup>2</sup> tại ấp Thuận Hòa, xã T2, huyện C;
- Thửa đất số 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2399 tờ bản đồ số 03, diện tích 13.890 m<sup>2</sup>, trên đất có trồng cao su tại ấp Thuận An, xã T2;
- Thửa 2557 tờ bản đồ số 04 tại ấp Thuận An, xã T2;
- Thửa số 2586 tờ bản đồ số 02, diện tích 2.100 m<sup>2</sup> tại xã Lộc Ninh, huyện C;
- Thửa số 20 tờ bản đồ số 22, diện tích 595 m<sup>2</sup> tại xã T2, huyện C.

Tuy nhiên trong 14 thửa đất đã kê biên nêu trên, trước đó vào ngày 25/4/2011 Cục THADS tỉnh Tây Ninh đã ra Quyết định kê biên số 15/QĐ – THA kê biên 16 thửa đất của ông Đ, bà N4 để thi hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 05/2010/QĐST-KDTM ngày 01/3/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Lê Văn Đ, bà Dương Thị Kim N4 trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Khu công nghiệp Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (sau đây viết tắt là Ngân hàng) số tiền 4.474.246.250 đồng. Trong đó có 12 thửa đất trùng với Quyết định kê biên số 62/QĐ-THA của Chi cục THADS huyện C (gồm thửa đất số 3247, 3248, 3249, 3250 tờ bản đồ số 1, diện tích 5.590 m<sup>2</sup> Thửa đất số 2261, 2262, 2263, 2264,

2265, 2399 tờ bản đồ số 03, diện tích 13.890 m<sup>2</sup>, Thửa 2557 tờ bản đồ số 04, Thửa đất số 18 tờ bản đồ số 22).

Như vậy, Quyết định kê biên tài sản số 62, số 71/QĐ - THA của Chi cục THADS huyện C để thi hành cho 04 người bà Lê Thị H1, bà Trương Thị Thúy O, bà Nguyễn Thị R và bà Hà Thị N chỉ còn 02 thửa 2586, tờ bản đồ số 02 diện tích 2.100 m<sup>2</sup> và thửa số 20 tờ bản đồ số 22, diện tích 595 m<sup>2</sup>,

Đến ngày 07/11/2012, cục THADS tỉnh Tây Ninh rút 04 hồ sơ thi hành án cho 04 người bà Lê Thị H1, bà Trương Thị Thúy Anh, bà Nguyễn Thị R và bà Hà Thị N của Chi cục THADS huyện C về Cục THADS tỉnh Tây Ninh để tổ chức thi hành án theo các quyết định 20/QĐ-CTHA, 60/QĐ-CTHA, 61/QĐ-CTHA và số 63/QĐ-CTHA ngày 08/11/2012.

Ngày 29/11/2012, Chấp hành viên Nguyễn Văn H ký quyết định giải tỏa kê biên số 11/QĐ-THA giải tỏa kê biên thửa đất số 2586 để ông Đ và bà N4 sang nhượng quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị G ngụ ấp N5, xã N6, Thành phố N3, tỉnh Tây Ninh với giá 1.200.000.000 đồng mà không được sự đồng ý, thỏa thuận của người được thi hành án là 04 người bà Lê Thị H1, bà Trương Thị Thúy O, bà Nguyễn Thị R và bà Hà Thị N.

Về nguồn gốc thửa đất số 2586 và thửa đất số 20 là tài sản Ông Lê Văn Đ và bà Dương Thị Kim N4 đã dùng thế chấp bảo lãnh cho Lê Thị Kim N7 (con gái ông Đ và bà N4) vay tiền Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 09010619 ngày 14/4/2009 số tiền 610.000.000 đồng, cụ thể là thửa đất số 2586 bảo lãnh vay số tiền 465.500.000 đồng, thửa đất số 20 bảo lãnh vay số tiền 144.500.000 đồng.

Tính đến thời điểm giải tỏa kê biên thửa đất số 2586 để ông Đ và bà N4 sang nhượng quyền sử dụng đất cho bà G, số tiền gốc và lãi do thửa đất 2586 đảm bảo thế chấp phải thanh toán cho Ngân hàng là 787.597.000 đồng (gốc là 465.500.000, lãi 322.097.000 đồng). Trong trường hợp này, theo quy định của pháp luật việc xử lý giải tỏa kê biên phải có sự thỏa thuận, đồng ý của 04 người bà Lê Thị H1, bà Trương Thị Thúy O, bà Nguyễn Thị R và bà Hà Thị N. Thứ tự thanh toán 1.200.000.000 từ tiền bán thửa đất số 2586, sau khi trừ các khoản thuế thu nhập cá nhân 24.000.000 đồng, án phí 14.738.250 đồng, chi phí bán tài sản 11.261.750 đồng, còn lại 1.150.000.000 đồng thì Ngân hàng được ưu tiên thanh toán trước số tiền 787.597.000 đồng, số tiền còn lại 362.403.000 đồng sẽ được chi trả theo tỷ lệ cho người được thi hành án, cụ thể là: Bà Lê Thị H1 77.736.355 đồng; bà Trương Thị Thúy O 195.701.274 đồng; bà Nguyễn Thị R 43.828.870 đồng và bà Hà Thị N 45.141.501 đồng. Tuy nhiên vào ngày 27/11/2012, sau khi bà G nộp số tiền 1.200.000.000 đồng, Chấp hành viên H đã thu tiền, sau đó chi nộp thuế thu nhập, nộp án phí, thanh toán chi phí bán tài sản, còn lại 1.150.000.000 đồng, Nguyễn Văn H đã chi trả cho Ngân hàng 800.000.000 đồng để thanh toán hợp đồng vay của chị Lê Thị Kim N7; trả 282.447.917 đồng khoản vay của chị Trần Thị Mỹ H2 (con dâu ông Đ) trong khi chị H2 không liên quan đến thửa đất số 2586; nộp chi phí thi hành án 34.500.000 đồng và trả lại cho ông Đ 33.052.083 đồng trong khi ông Đ còn phải thi hành nhiều bản án.

Tài liệu điều tra xác định: Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 22 qua thẩm định có giá trị là 285.000.000 đồng, Ngân hàng đang quản lý để đảm bảo số nợ của chị Lê Thị Kim N7 là 553.739.166 đồng.

Như vậy, hiện nay ông Đ và bà N4 không còn tài sản nào khác để thi hành án cho 04 người bà Lê Thị H1, bà Trương Thị Thúy O, bà Nguyễn Thị R và bà Hà Thị N. Vì vậy việc ra Quyết định giải tỏa kê biên số 11/QĐ-THA ngày 29/11/2012 và không chi trả tiền thi hành án theo quy định của Nguyễn Văn H đã gây thiệt hại cho 04 người bà Lê Thị H1, bà Trương Thị Thúy O, bà Nguyễn Thị R và bà Hà Thị N tổng số tiền là 362.403.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn H đã nộp 362.403.000 đồng tại Cục THADS tỉnh Tây Ninh để khắc phục hậu quả; Ông Lê Văn Đ trình bày, chỉ thỏa thuận bán thửa đất 2586 còn căn nhà xây dựng trên đất ông không bán nhưng chấp hành viên đã giao nhà và đất cho bà G, tuy nhiên ông không yêu cầu giải quyết trong vụ này nên không đề cập xử lý.

Cơ quan điều tra còn xác định được, Nguyễn Văn H đã ra Quyết định giải tỏa kê biên tài sản số 12/QĐ-CTHA ngày 14/12/2012, Quyết định giải tỏa kê biên tài sản số 05/QĐ-CTHA ngày 25/3/2013 và Ngô Văn C1 – Chấp hành viên Cục THADS tỉnh Tây Ninh ra Quyết định giải tỏa kê biên tài sản số 14/QĐ-CTHA ngày 06/9/2013 để ông Đ và bà N4 sang nhượng quyền sử dụng đất cho người khác, nhưng tài sản được 03 quyết định giải tỏa kê biên trước đó đã được kê biên để thi hành các khoản nợ mà ông Đ và bà N4 phải trả cho Ngân hàng.

Tuy nhiên quá trình điều tra người đại diện hợp pháp của Ngân hàng khẳng định việc thỏa thuận giải tỏa kê biên trên không gây thiệt hại cho Ngân hàng nên hành vi này không cấu thành tội phạm. Vì vậy, Nguyễn Văn H và Ngô Văn C1 không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các quyết định giải tỏa kê biên tài sản nêu trên.

Tại bản án hình sự số 02/2017/HSST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Ra quyết định trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 2 Điều 296; điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Ra quyết định trái pháp luật”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành bản án

Ngoài ra bản án còn buộc bị cáo H phải nộp án phí, tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xử sơ thẩm:

Ngày 23/01/2017, bị cáo Nguyễn Văn H làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại vụ án để xét xử đúng người đúng tội và cho bị cáo hưởng án treo. Vì lý do bản thân bị cáo bị bệnh và đã bán tài sản để bồi thường cho những người liên quan. Trong khi đó khoản tiền thiệt hại do bị cáo ra quyết định sai thì Ngân hàng đang giữ nhưng cơ quan Tổ tụng lại không thu hồi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày thêm nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo nhận lại khoản tiền đã bồi thường cho những bị hại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Cục thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh trình bày: Số tiền 362.403.000 đồng là khoản thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo gây ra. Số tiền này bị cáo đã nộp lại cho cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh và cục đã chi trả cho những người bị hại. Trong số tiền bị thiệt hại nêu trên có một phần tiền bị cáo đã chi sai cho ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh khu công nghiệp Trảng Bàng, Tây Ninh là 282.447.917 đồng (trả khoản nợ vay của bà Trần Thị Mỹ H2, con dâu ông Đ) và trả cho ông Đ 33.952.083 đồng. Việc chi sai này bị cáo đã bị xử lý hình sự nên cục thi hành án tỉnh không thể thu hồi mà phải chờ sự phán quyết của cơ quan tố tụng. Chính vì lẽ đó mà bị cáo H phải bỏ tiền để bồi thường cho các bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm xét xử vụ án cho rằng: Căn cứ kết quả điều tra và lời khai nhận tội của bị cáo đã đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết không oan. Mức hình phạt Tòa sơ thẩm tuyên xử bị cáo 2 năm 6 tháng tù là thỏa đáng không nặng. Bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo nhưng không xuất trình được chứng cứ mới về tình tiết giảm nhẹ. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị cáo H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Bản án sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 20/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh căn cứ chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra, truy tố đã nhận định: “Trong quá trình tổ chức thi hành án Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 04/2009/QĐST-DS ngày 07/01/2010; Bản án số 47/ST-DS ngày 05/02/2010 ..., chấp hành viên Nguyễn Văn H đã ra Quyết định trái pháp luật. Cụ thể: Quyết định giải tỏa kê biên tài sản số 11/QĐ-CTHA ngày 29/11/2012 giải tỏa thửa đất kê biên số 2586, tờ bản đồ số 2 có diện tích 2110 m2 để Ông Lê Văn Đ và bà Dương Thị Kim N4 chuyển nhượng quyền sử dụng cho bà Huỳnh Thị G với giá 1.200.000.000 đồng không qua thủ tục đấu giá, không có sự thỏa thuận thống nhất của những người được thi hành án là các bà Lê Thị H1, Trương Thị Thúy O, Nguyễn Thị R và bà Hà Thị N... gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bà H1, O, R và bà N với tổng số tiền là 362.403.000 đồng... ”.

Tuy vậy, các cơ quan tiến hành Tố tụng của cấp sơ thẩm nói chung và Tòa án cấp sơ thẩm nói riêng đã không xác định, Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam (chi nhánh khu Công nghiệp Trảng Bàng Tây Ninh), bà Trần Thị Mỹ H2, Bà Huỳnh Thị G tham gia Tố tụng với tư cách là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là sai sót trong tiến hành Tố tụng. Vì là khoản tiền được xác định là thiệt hại do hành vi, vi phạm pháp luật của bị cáo H gây cho bà H1, bà O, bà

R, bà N. Nhưng lại do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam được giữ để thu nợ của bà Trần Thị Mỹ H2 là 282.447.917 đồng. Việc sai sót trong tiến hành Tổ tụng dẫn đến hậu quả vật chứng của vụ án không được thu hồi là số tiền 362.403.000 đồng. Trường hợp bị cáo đã bồi thường thiệt hại thì cần phải làm rõ bị cáo có yêu cầu gì đối với khoản tiền vật chứng đang do ngân hàng Công thương và những người liên quan thu giữ hay không? Nếu bị cáo không yêu cầu thì phải tịch thu sung quỹ nhà nước, nếu bị cáo yêu cầu thì phải buộc những người liên quan này hoàn trả cho bị cáo. Những sai sót về Tổ tụng này của cấp sơ thẩm làm ảnh hưởng quyền lợi ích hợp pháp của các đương sự nêu trên và của chính bị cáo mà Tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục. Vì vậy cần hủy một phần bản án sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về phần xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử lại về phần vật chứng.

Bản án sơ thẩm xác định hành vi phạm pháp luật của bị cáo H đã gây thiệt hại cho bà Lê Thị H1, bà Trương Thị Thúy O, bà Hà Thị N, bà Nguyễn Thị R tổng số tiền là 362.403.000 đồng nhưng lại không xác định tư cách Tổ tụng của họ là bị hại trong vụ án là trái với qui định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Việc xác định tư cách tham gia Tổ tụng của các đương sự nêu trên là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Cụ thể là tước bỏ của các đương sự một số quyền của họ được qui định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng Hình sự những quyền kháng cáo bản án về phần hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay, các bị hại Bà O, bà N... đều trình bày không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự cũng như hình sự đối với bị cáo H. Với lời trình bày và không kháng cáo của các bị hại thể hiện việc xác định sai tư cách Tổ tụng của các bà tại phiên tòa sơ thẩm không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các bà O, R, H1, N. Chính vì lẽ này, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không hủy bản án về phần này mà chỉ nêu những sai sót để Tòa sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm án và xin hưởng án treo Hội đồng xét xử nhận định như sau: Thứ nhất về việc xin giảm án thì xét thấy, với hành vi của bị cáo đã thực hiện và khai nhận phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án đã đủ cơ sở xác định bị cáo bị xét xử đúng người, đúng tội, mức hình phạt thỏa đáng không nặng tuy vậy, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng; tại tòa phúc thẩm bị cáo nộp thêm chứng cứ mới về việc cha bị cáo được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng. Thứ hai xét về việc xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy, đây là vụ án thuộc nhóm tội chức vụ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra sự mất lòng tin trong nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị xã hội của địa phương. Do vậy việc cho bị cáo được hưởng án treo là không đảm bảo cho việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm đối với nhóm tội này trong tình hình hiện nay. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

*Vì các lẽ trên,*

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 248, khoản 1 Điều 250 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2017 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về phần hình phạt đối với bị cáo và hủy bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2017 về phần xử lý vật chứng.

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội tội “Ra quyết định trái pháp luật”.

Áp dụng khoản 2 Điều 296; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo phải chấp hành án.

2. Hủy bản án sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh về phần xử lý vật chứng, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử lại về phần vật chứng.

3. Về án phí Hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn H không phải chịu. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

**Nguyễn Hữu Ba**

**Trần Văn Mười**

**Phạm Thị Duyên**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- CA tỉnh Tây Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Lưu (3).14b.(AN 18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Duyên**